

## "Đại cáo bình Ngô" - Nguyễn Trãi –phần6

### **VỀ TƯ TƯỞNG NHÂN NGHĨA CỦA NGUYỄN TRÃI**

**LƯƠNG MINH CỬ(\*)**

**NGUYỄN THỊ HƯƠNG(\*\*)**

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi (1380 – 1442) là một triết lý sâu sắc, cốt lõi, bao trùm toàn bộ cuộc đời ông. Bài viết đã phân tích tư tưởng nhân nghĩa trên nhiều khía cạnh: nhân nghĩa là thương dân, vì dân, an dân; nhân nghĩa là sự khoan dung, độ lượng; nhân nghĩa là lý tưởng xây dựng đất nước thái bình... Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi kế thừa quan điểm nhân nghĩa Nho giáo, nhưng đã được mở rộng, phát triển hơn, tạo nên

dấu ấn đặc sắc trong [lich sử tư tưởng](#) Việt Nam.

Trong lịch sử dân tộc, [Nguyễn Trãi](#) (1380 – 1442) là một trí thức lớn, một trong những lãnh tụ kiệt xuất của phong trào khởi nghĩa Lam Sơn. Ông đã có những đóng góp to lớn trong việc hoạch định đường lối, chính sách, chiến lược, sách lược chống quân Minh xâm lược, giải phóng dân tộc. Hơn thế, [Nguyễn Trãi](#) còn là một nhà [tư tưởng](#) lớn của [dân tộc Việt Nam](#) ở thế kỷ XV. Ông đã có công tổng kết, khái quát những vấn đề có tính quy luật của sự nghiệp dựng nước và giữ nước trong điều kiện lịch sử – cụ thể của Việt Nam; từ đó, nâng tư duy của người Việt Nam lên một tầm cao mới. Thông qua các tác phẩm chủ yếu và tiêu biểu của ông, như Quân trung từ mệnh tập, [Bình Ngô đại cáo](#), [Ức Trai thi tập](#), [Quốc âm thi tập](#), [Dư địa chí](#), chúng ta thấy [tư tưởng Nguyễn Trãi](#) đã phản ánh nhiều mặt của đời sống nước ta đương thời: về chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hoá; về vai trò của nhân dân, về lý tưởng xã hội, v.v.. Những [tư tưởng](#) ấy của [Nguyễn Trãi](#) không chỉ có giá trị về mặt lý luận và thực tiễn đối với xã hội

đương thời, mà còn có ảnh hưởng sâu sắc trong toàn bộ [lich sử tư tưởng](#) Việt Nam nói chung.

Suốt nhiều trăm năm qua, ở nước ta đã có nhiều công trình nghiên cứu về [tư tưởng Nguyễn Trãi](#) trên nhiều phương diện chính trị, văn hoá, văn học, nghệ thuật,... Tuy nhiên, việc nghiên cứu [tư tưởng](#) triết học của [Nguyễn Trãi](#) vẫn còn là khá mới mẻ. Trong bài viết này, chúng tôi muốn đề cập đến [tư tưởng](#) nhân nghĩa – một triết lý sâu sắc, cốt lõi, bao trùm toàn bộ cuộc đời và hoạt động công hiến của nhà [tư tưởng](#) kiệt xuất này.

Đối với [Nguyễn Trãi](#), nhân nghĩa là một [tư tưởng](#), hơn nữa, là một phương pháp luận hết sức quan trọng. Trong toàn bộ tác phẩm của [Nguyễn Trãi](#) mà chúng ta còn lưu giữ được thì chữ “nhân” đã được nhắc đến 59 lần và chữ “nghĩa” – 81 lần. Tổng cộng hai chữ “nhân”, “nghĩa” được ông sử dụng đến 140 lần. Qua đó, có thể thấy, một trong những quan điểm nền tảng trong hệ thống [tư tưởng](#) của [Nguyễn Trãi](#) là “nhân nghĩa”. Tất nhiên, ở đây

cần nhấn mạnh rằng [tư tưởng](#) nhân nghĩa của [Nguyễn Trãi](#), mặc dù kế thừa [tư tưởng](#) nhân nghĩa của Khổng – Mạnh, nhưng cũng đã có sự khác biệt rất lớn so với [tư tưởng](#) Khổng – Mạnh – nó mang ý nghĩa tích cực, mở rộng và nâng cao hơn.

Nhân nghĩa, trong quan điểm của Nguyễn Trãi, trước hết được gắn chặt với [tư tưởng](#) vì dân và an dân: “việc nhân nghĩa cốt ở an dân”, “dùng quân nhân nghĩa cứu dân khổ, đánh kẻ có tội”, “đại đức hiếu sinh, thần vũ bất sát, đem quân nhân nghĩa đi đánh dẹp cốt để an dân”(1). Như vậy, nhân nghĩa chính là yêu nước, thương dân, là đánh giặc cứu nước, cứu dân. [Nguyễn Trãi](#) đã coi “an dân” là mục đích của nhân nghĩa và “trừ bạo” là đối tượng, là phương tiện của nhân nghĩa. Vì vậy, người nhân nghĩa phải lo trừ “bạo”, tức lo diệt quân cướp nước. Người nhân nghĩa phải đấu tranh sao cho “hợp trời, thuận người”, nên có thể lấy “yếu chống mạnh”, lấy “ít địch nhiều”, lấy “đại nghĩa thắng hung tàn”, lấy “chí nhân thay cường bạo”(2). Nhân nghĩa là cần phải đấu tranh để cho [dân tộc Việt Nam](#) tồn tại và phát triển. Nhân nghĩa giống như

là một phép lạ, làm cho “càn khôn đã bĩ mà lại thái, trời trăng đã mờ mà lại trong”(3). [Tư tưởng](#) nhân nghĩa của [Nguyễn Trãi](#) , vì vậy, mang đậm sắc thái của tinh thần yêu nước truyền thống của người Việt Nam. Ở đây, có thể thấy rõ [tư tưởng](#) nhân nghĩa của [Nguyễn Trãi](#) đã vượt lên trên [tư tưởng](#) nhân nghĩa của Khổng – Mạnh và có sự sáng tạo, phát triển trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Như vậy, với [Nguyễn Trãi](#), [tư tưởng](#) nhân nghĩa gắn kết biện chứng với [tư tưởng](#) thuận dân, an dân là một yêu cầu cao, một hoài bão lớn, một mục đích chiến lược cần phải đạt tới. Trước [Nguyễn Trãi](#) hàng nghìn năm, nhiều nhà [tư tưởng](#) trong lịch sử triết học Trung Quốc như Mạnh Tử... đã từng nêu rõ vai trò quan trọng của dân, sức mạnh của dân, tài năng và trí óc sáng suốt của dân. Ở Việt Nam, [tư tưởng](#) an dân đã trở thành một đạo lý vào thời Lý – Trần. Trong thời kỳ đó, những [tư tưởng](#) về thân dân, khoan dân, huệ dân, v.v. đã xuất hiện và đã góp phần tích cực vào việc làm cho thời đại Lý – Trần hưng thịnh. Đến [Nguyễn Trãi](#),

quan điểm về an dân đã được ông tiếp thu, kế thừa, mở rộng và nâng cao trong suốt thời kỳ hoạt động của mình. An dân có nghĩa là chấm dứt, là loại trừ những hành động tàn ác, bạo ngược đối với dân. An dân còn là sự bảo đảm cho nhân dân có được một cuộc sống yên bình. An dân là không được những nhiều “phiên hà” dân. Với [tư tưởng](#) an dân, [Nguyễn Trãi](#) đã đưa ra một chân lý: phải gương cao ngọn cờ “nhân nghĩa, an dân”, phải cố kết lòng dân làm sức mạnh của nước, làm thế nước. Ông chủ trương cứu nước bằng sức mạnh của dân, muốn lấy lại được nước phải biết lấy sức dân mà kháng chiến. Đó là một chiến lược bất khả biến, có tính trường tồn, một quy luật dựng nước và giữ nước của [dân tộc Việt Nam](#).

Có một khía cạnh rất đáng quý trong [tư tưởng](#) về dân của [Nguyễn Trãi](#), đó là [tư tưởng](#) trọng dân, biết ơn dân. “Dân chúng” vẫn luôn được ông nhắc tới và chú ý đề cao ngay cả sau khi kháng chiến đã thành công, đất nước đã giành được độc lập và bước vào xây dựng cuộc sống mới. [Nguyễn Trãi](#) nhận thức được

rằng lực lượng làm ra thóc gạo, cơm ăn, áo mặc là do ở nhân dân; rằng điện ngọc cung vàng của vua chúa cũng đều do mồ hôi nước mắt của nhân dân mà có: “thường nghĩ quy mô lớn lao, lộng lẫy đều là sức lao khổ của quân dân”(4). Chính xuất phát từ suy nghĩ như vậy, nên khi đã làm quan trong triều đình, được hưởng lộc của vua ban, [Nguyễn Trãi](#) đã nghĩ ngay đến nhân dân, những người dãi nắng dầm mưa, những người lao động cực nhọc. Ông viết: “Ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày”. Trong suốt cuộc đời của mình, [Nguyễn Trãi](#) đã có cuộc sống gần gũi, gắn bó với nhân dân, hoà mình vào nhân dân. Do đó, ông đã nhận thấy rất rõ những đức tính cao quý của nhân dân, hiểu được nguyện vọng tha thiết của nhân dân, thấy rõ được sức mạnh vĩ đại của nhân dân trong sáng tạo lịch sử.

Đặc biệt, [tư tưởng](#) nhân nghĩa của [Nguyễn Trãi](#) còn biểu hiện ở lòng thương người, ở sự khoan dung độ lượng, thậm chí đối với cả kẻ thù. Có thể nói, đây là nét độc đáo riêng có trong [tư tưởng](#) nhân nghĩa của [Nguyễn Trãi](#). Chiến lược “tâm công” [Nguyễn Trãi](#)

đã thực hiện trong kháng chiến chống Minh chính là sự thể hiện nét độc đáo riêng có ấy. “Tâm công” – đánh vào lòng người – sách lược đã được [Nguyễn Trãi](#) dày công suy xét, thu tóm cái tinh hoa trong các sách về binh pháp xưa và vận dụng sáng tạo trong thực tiễn đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam đương thời. “Tâm công” tức là dùng lý lẽ tác động vào tinh thần, vào ý thức kẻ địch, nói rõ điều hơn lẽ thiệt, thuyết phục, cảm hoá chúng, từ đó đập tan tinh thần chiến đấu của chúng, làm cho chúng nhụt ý chí xâm lược, rã rời hàng ngũ, tiến tới chấp nhận con đường hoà giải, rút quân về nước. Tất nhiên, chiến lược “tâm công” ấy luôn được nghĩa quân Lam Sơn kết hợp chiến đấu bằng vũ khí, quân sự, ngoại giao; và thực tiễn lịch sử đã chứng tỏ rằng, chiến lược đó là hoàn toàn đúng đắn.

[Tư tưởng](#) nhân nghĩa của [Nguyễn Trãi](#) còn nổi bật ở quan điểm về cách đối xử với kẻ thù khi chúng đã bại trận, đầu hàng. Nó thể hiện đức “hiếu sinh”, sự “khoan dung” của [dân tộc Việt Nam](#) nói chung, cũng như [tư tưởng](#) nhân nghĩa của [Nguyễn Trãi](#) nói riêng.

[Nguyễn Trãi](#) cũng như Lê Lợi, trong chính sách đối với hàng binh, đã chủ trương không giết để hả giận tức thời, mà còn tạo điều kiện cần thiết cho chúng rút về nước một cách an toàn và không mất thể diện. Trong thư gửi Vương Thông, ông viết: “Cầu đường sửa xong, thuyền xe sắm đủ, hai đường thủy lục, tùy theo ý muốn, đưa quân ra cõi, yên ổn muôn phần”(5). Theo [Nguyễn Trãi](#): “Trả thù báo oán là thường tình của mọi người; mà không thích giết người là bản tâm của người nhân”. Để dân yên vui, nước hoà bình, đó là khát vọng cháy bỏng của [Nguyễn Trãi](#). Bởi thế, ông nói: “Dùng binh cốt lấy bảo toàn cả nước làm trên hết. Để cho bọn Vương Thông trở về nói với vua Minh trả lại đất đai cho ta, đó là điều ta cần không gì hơn thế nữa”(6). “Tuyệt mọi chiến tranh”, “bảo toàn cả nước là trên hết” đã thể hiện lập trường chính trị nhân nghĩa của [Nguyễn Trãi](#). Có thể nói, đó là một tinh thần nhân đạo cao cả, một triết lý nhân sinh sâu sắc.

Chiến lược đánh giặc cứu nước, cứu dân, “mở nền thái bình muôn thuở” bằng nhân nghĩa của [Nguyễn Trãi](#) đã có ý nghĩa rất

to lớn cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn đấu tranh cứu nước và dựng nước của dân tộc ta. [Nguyễn Trãi](#) và Lê Lợi, cùng với quân dân Đại Việt đã kiên quyết thi hành một đường lối kết thúc chiến tranh rất sáng tạo, rất nhân nghĩa: “nghĩ kế nước nhà trường cửu, tha cho mười vạn hùng binh. Gây lại hoà hảo cho hai nước, dập tắt chiến tranh cho muôn đời”(7). Đó thật sự là [tư tưởng](#) lớn của một con người có tài “kinh bang tế thế” và là một [tư tưởng](#) có sức sống “vang đến muôn đời”.

[Tư tưởng](#) nhân nghĩa của [Nguyễn Trãi](#) còn tiến xa hơn một bước nữa, đó là ý tưởng xây dựng một đất nước thái bình, bên trên vua thánh tối hiền, bên dưới không còn tiếng giận oán sầu: “thánh tâm dục dĩ dân hưu tức, văn trị chung tu chí thái bình” (lòng vua chỉ muốn dân yên nghỉ, xếp võ theo văn, nước trị bình) (8); “vua Nghiêu Thuấn, dân Nghiêu Thuấn. Đường ấy ta đà phỉ sở nguyên”(9). Như vậy, theo [Nguyễn Trãi](#), một đất nước thái bình sẽ là đất nước có cuộc sống phồn vinh, tươi đẹp; đồng thời, có sự hoà thuận, yên vui với các nước khác. Có thể nói, lý tưởng

chính trị – xã hội của [Nguyễn Trãi](#) phù hợp với nguyện vọng, ước mơ của dân tộc, nhân dân; đạt tới tầm cao nhất và rộng nhất trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ cho phép. Quan niệm của [Nguyễn Trãi](#), vì thế, là một quan niệm tích cực và đầy tinh thần nhân bản.

Tầm chiến lược, nhìn xa trông rộng và khoa học trong [tư tưởng](#) nhân nghĩa của [Nguyễn Trãi](#) còn được thể hiện ở [tư tưởng](#) cầu người hiền tài giúp nước, giúp dân. [Nguyễn Trãi](#) quan niệm rằng, nhân tố quyết định sự nghiệp xây dựng đất nước thái bình, thịnh trị là nhân dân. Làm thế nào để phát huy hết được những yếu tố tích cực của quần chúng nhân dân? Trong sức mạnh của nhân dân thì yếu tố nào là động lực mạnh mẽ nhất? [Nguyễn Trãi](#) đã chỉ ra, đó là yếu tố nhân tài. Trong Chiếu cầu hiền tài, ông cho rằng: “người tài ở đời vốn không ít”, nên triều đình phải cầu hiền bằng nhiều đường, nhiều cách như học hành thi cử; hoặc tiến cử “văn võ đại thần, công hầu, đại phu từ tam phẩm trở lên, mỗi người đều cử một người, hoặc ở triều đình, hoặc ở thôn dã, bất cứ là đã

xuất sĩ hay chưa, nếu có tài văn võ, có thể trị dân coi quân, thì... tùy tài trao chức”; hoặc ứng cử “người có tài ở hàng kinh luân bị khuất ở hàng quân nhỏ”, “người hào kiệt náu ở nơi đồng nội, lẫn ở hàng binh lính” phải tự mình đề đạt để gánh vác việc dân, việc nước. Như vậy, rõ ràng rằng, [Nguyễn Trãi](#) đã rất chú trọng đến việc đào tạo, bồi dưỡng, phát triển và sử dụng nhân tài vào việc trị quốc, an dân. Có thể nói, chiến lược con người của [Nguyễn Trãi](#), cho đến nay, vẫn mang đậm tính thời sự đối với chúng ta.

Tóm lại, [tư tưởng](#) nhân nghĩa của [Nguyễn Trãi](#) là nội dung cốt lõi trong toàn bộ hệ thống [tư tưởng](#) triết học – chính trị của ông. [Tư tưởng](#) ấy có phạm vi rộng lớn, vượt ra ngoài đường lối chính trị thông thường, đạt tới mức độ khái quát, trở thành nền tảng, cơ sở của đường lối và chuẩn mực của quan hệ chính trị, là nguyên tắc trong việc quản lý, lãnh đạo quốc gia.

Không chỉ có ý nghĩa to lớn trong thời đại mình, [tư tưởng](#) nhân nghĩa của [Nguyễn Trãi](#), một mặt, tạo nên một dấu ấn đặc sắc

trong [lich sử tư tưởng](#) Việt Nam; mặt khác, còn có ảnh hưởng sâu rộng đến thực tiễn chính trị của đất nước trong những thời đại sau này.